

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
T. KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/DSST

Ngày 06/8/2020

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Ông Trần Huy Liệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 275/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2019 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố Tà Lúa, thị trấn Sóc Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Thị Tứ, thị trấn Sóc Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:*

Vào ngày 02/4/2019a1 bà Nguyễn Thị M có vay của bà số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Đến ngày 08/4/2019a1 bà M lại tiếp tục vay thêm số tiền 15.000.000 đồng. Sau khi vay bà M có đóng lãi đến khoảng tháng 8/2019a1 và ngưng đóng từ đó đến nay. Bà X có yêu cầu bà M trả nợ nhiều lần nhưng bà M không trả.

Nay bà X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M phải có trách nhiệm trả cho bà X số tiền gốc 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

** Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bà M, tuy nhiên bà M từ chối nhận các Thông báo của Tòa án và không có văn bản gì thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có lời khai của bà M tại Tòa án.

** Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở xác định vụ án có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị M.

3. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

Vào năm 2019 bà Nguyễn Thị M có vay của bà Nguyễn Thị X tổng số tiền 35.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 02/4/2019a1 vay số tiền 20.000.000 đồng.
- Ngày 08/4/2019a1 vay số tiền 15.000.000 đồng.

Hai bên có lập Hợp đồng vay tiền. Theo trình bày của bà X, khi vay hai bên có thỏa thuận về lãi 5%/tháng. Bà M có đóng lãi được đến tháng 8/2019a1 thì ngưng đóng đến nay. Tại Biên bản hòa giải ngày 14/11/2019, bà M cho rằng có vay tiền của bà X nhưng đã đóng đủ nên không đồng ý trả cho bà X nữa. Xét thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bà M, tuy nhiên bà M từ chối nhận các Thông báo của Tòa án và không có văn bản gì thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy bà M không thực hiện nghĩa vụ chứng minh việc đã trả tiền cho bà X nên HĐXX không có cơ sở để xem xét. Do đó cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn.....”

Từ những phân tích trên, sau khi thảo luận nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà M có trách nhiệm trả cho bà X số tiền **35.000.000** đồng.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 35.000.000 đồng x 5% = 1.750.000 đồng.
- Bà X được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X đối với bà Nguyễn Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền **35.000.000** đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí DSST:

- Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.750.000 đồng (Một triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

- Bà Nguyễn Thị X được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 875.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009164 ngày 10/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc